

# HỆ SỐ ICOR - HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TỔNG HỢP CỦA VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Trần Đào

Vốn đầu tư là yếu tố vật chất quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhưng tăng trưởng kinh tế không chỉ dựa vào lượng vốn đầu tư nhiều hay ít, mà quan trọng hơn là dựa vào hiệu quả sử dụng của lượng vốn này cao hay thấp. Phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đầu tư có nhiều chỉ tiêu, nhưng tổng hợp nhất là hệ số ICOR. Hệ số này đã được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng về chính thống thì chưa được ngành Thống kê tính toán và công bố chính thức.

Qua theo dõi trên các phương tiện thông tin, hiện ở nước ta có 3 phương pháp tính hệ số ICOR.

Phương pháp thứ nhất được tính bằng công thức:

$$\text{ICOR (lần)} = \frac{I_V (\%)}{I_G (\%)}$$

Trong đó:

- $I_V$ : Tỷ lệ giữa vốn đầu tư phát triển so với GDP (cùng tính theo giá thực tế)
- $I_G$ : Tốc độ tăng GDP (tính theo giá so sánh)

Hệ số ICOR tính theo phương pháp này thể hiện: Để GDP tăng 1% đòi hỏi tỷ lệ vốn đầu tư phát triển so với GDP phải đạt bao nhiêu %? Theo cách tính này, hệ số ICOR của nước ta qua các năm như sau:

1995	3,1
1996	3,1
1997	3,8
1998	4,7
1999	5,5
Ước 2000	4,0

Phương pháp thứ hai được tính bằng công thức:

$$\text{ICOR (lần)} = \frac{V_{t1}}{G_{t1} - G_{t0}}$$

Trong đó:

- $V_{t1}$ : Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của năm báo cáo;
- $G_{t1}$ : GDP tính theo giá thực tế của năm báo cáo;
- $G_{t0}$ : GDP tính theo giá thực tế của năm trước.

Hệ số ICOR tính theo phương pháp này thể hiện: Để tính GDP tính theo giá thực tế tăng 1 đồng đòi hỏi phải có bao nhiêu đồng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội? Theo cách tính này, hệ số ICOR của nước ta qua các năm như sau:

1995	1,2
1996	1,8
1997	2,3
1998	2,1
1999	2,7
Ước 2000	2,7

Phương pháp thứ ba được tính theo công thức sau:

$$\text{ICOR (lần)} = \frac{V_{S1}}{G_{S1} - G_{S0}}$$

Trong đó:

- $V_{S1}$ : Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tính theo giá so sánh;

-  $G_{S1}$ : GDP tính theo giá so sánh của năm báo cáo;

-  $G_{S0}$ : GDP tính theo giá so sánh của năm trước.

Hệ số ICOR tính theo phương pháp này thể hiện: Để GDP tính theo giá so sánh tăng 1 đồng đòi hỏi phải có bao nhiêu đồng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tính theo giá so sánh? Theo cách tính này, hệ số ICOR của nước ta qua các năm như sau:

1996	3,7
1997	4,5
1998	5,7
1999	6,9
Ước 2000	5,3

Như vậy, ba phương pháp tính đã đưa đến kết quả khác nhau: Hệ số ICOR tính theo phương pháp hai có mức thấp nhất, tính theo phương pháp ba có mức cao nhất và phương pháp một có mức trung bình. Tuy nhiên, phương pháp ba phản ánh tương đối đúng thực trạng nhất, bởi vì hệ số ICOR đã tăng nhanh, thể hiện hiệu quả đầu tư đã giảm nhanh từ 1996, đạt mức thấp nhất trong năm 1999 và năm 2000 đã khá hơn, nhưng vẫn chưa đạt được mức từ 1997 trở về trước.

### **Một vài nhận xét về hiệu quả đầu tư qua hệ số ICOR**

Như trên đã thấy, hệ số ICOR đã tăng nhanh từ 1996 đạt mức cao nhất vào năm 1999, chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn đầu tư đã bị giảm nhanh từ năm 1996 và đạt mức thấp nhất vào năm 1999. Trong khi hệ số này của Hàn Quốc là 3,3, của Thái Lan là 3,6, của Malaixia là 3,9, của

Philippin là 4,3, của Xingapo là 4,4, của Indônêxia là 4,4...

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân. Các chuyên gia đã qui về hai nhóm nguyên nhân chủ yếu sau đây.

*Thứ nhất* là các nguyên nhân có liên quan đến vốn đầu tư. Nhóm nguyên nhân này gồm có 5 nguyên nhân cụ thể:

- Trước hết là căn cứ, là điểm xuất phát, là mục tiêu đầu tư. Vẫn còn tình trạng đầu tư chủ yếu xuất phát từ khả năng có thể làm được gì, mà chưa căn cứ vào nhu cầu của thị trường cần gì kéo dài trong nhiều năm. Đã đầu tư những công trình làm ra sản phẩm cung đã vượt cầu, làm ra sản phẩm thay thế nhập khẩu hơn là xuất khẩu, đầu tư vào những công trình cần nhiều vốn hơn là cần nhiều lao động. Kết quả là sản xuất tăng nhưng tiêu thụ lại chậm.

- Đầu tư vào hạ tầng cơ sở, vào công sở... tuy rất quan trọng, nhưng lại là lĩnh vực không tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ nên không trực tiếp thu hồi vốn và có lãi, trong khi có một bộ phận quan trọng còn phải vay dân, vay nước ngoài, còn phải trả cả vốn và lãi.

- Đầu tư còn dàn trải, thi công lại kéo dài, làm cho vốn bị "chôn" vào nhiều công trình phân tán, nhiều công trình dở dang. Tình trạng này bắt nguồn từ tư duy bao cấp, từ sự "co kéo" nguồn vốn ngân sách hay ODA. Ngoài lý do trên, tình trạng thi công kéo dài còn do các khâu qui hoạch, đấu thầu làm chưa tốt, khâu đền bù, giải phóng mặt bằng còn kéo dài... Kết quả vốn đầu tư thì lớn, nhưng tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thì ít.

- Tình trạng đầu tư vào "vỏ" vẫn được quan tâm nhiều hơn "ruột", trong khi "ruột" chưa phải là công nghệ nguồn, công nghệ hiện đại, thậm chí còn "nhảm" phải thiết bị cũ, thiết bị tân trang.

- Tình trạng thất thoát trong đầu tư còn lớn, nên cùng một lượng vốn đầu tư, nhưng số tiền trực tiếp vào công trình ít hơn, ảnh hưởng đến khối lượng và chất lượng công trình, vì thế mà kinh tế cũng tăng trưởng chậm.

*Thứ hai* là nhóm các nguyên nhân có liên quan đến tốc độ tăng trưởng. Nhóm nguyên nhân này cũng gồm 2 nguyên nhân cụ thể:

- Trước hết là do khâu tiêu thụ, bao gồm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Tiêu thụ trong nước tăng chậm. Một mặt, do nhiều năm kinh tế tăng trưởng khá, quan hệ cung - cầu đã được cải thiện quan trọng. GDP từ chỗ không đủ tiêu dùng nay đã vượt quá tiêu dùng và đã có tích lũy trong nước ngày một tăng. Khi qui mô tiêu dùng đã lớn lên thì tốc độ tăng tiêu dùng sẽ không tăng đột biến như trước; hơn nữa, tốc độ tăng dân số đã giảm nhanh trong 10 năm qua cũng làm cho tốc độ tăng tổng tiêu dùng được "hãm" lại. Mặt khác, tốc độ tăng tiêu dùng của một bộ phận dân cư sản xuất công nghiệp, dịch vụ tăng khá nhờ lượng sản phẩm tăng cao hơn và giá cũng tăng cao hơn. Nhưng một bộ phận lớn hơn (gấp gần 4 lần bộ phận trên) là nông dân thì mức tiêu dùng còn thấp, lại tăng rất chậm, do lượng sản phẩm tăng thấp hơn, giá cả lại liên tục giảm (giá lương thực năm 1999 giảm 7,6%, năm 2000 lại giảm tiếp 7,8%).

Tốc độ tăng xuất khẩu bị giảm mạnh vào đầu thập kỷ do thị trường Liên Xô (cũ) và Đông Âu bị hụt hẫng, lại bị bao vây cấm vận, sau đó đã gia tăng khá khi gia nhập ASEAN, nhưng khi khu vực này bị khủng hoảng thì lại bị sút giảm (năm 1998 chỉ còn tăng 1,9%, năm 1999 tăng khá hơn, nhưng bình quân 2 năm chỉ tăng 12%). Năm 2000 tuy tăng tới 24%, nhưng có trên 50% là do giá dầu thô tăng mạnh (nếu không kể giá dầu tăng thì kim ngạch chỉ tăng 11,8%), còn gạo, cà phê bị giảm, hàng may mặc, giày dép tăng thấp.

Ngoài ra, nhập siêu còn lớn, năm 2000 tăng so với 1999; nhập lậu trốn thuế chưa được ngăn chặn một cách có hiệu quả.

### ***Phác thảo cho năm 2001***

Theo mục tiêu, GDP tính theo giá so sánh của năm 2001 tăng 7,5%, hay tăng 20.520 tỷ đồng so với năm 2000.

Nếu hệ số ICOR như năm 2000 (5,3 lần) thì lượng vốn đầu tư năm 2001 tính theo giá so sánh sẽ là 109 nghìn tỷ đồng, tăng 18,7% so với năm 2000; tính theo giá thực tế khoảng 150 nghìn đồng đạt xấp xỉ 30% so với GDP?

Nếu hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được nâng lên bằng mức bình quân 1996 – 2000 (ICOR = 5,1 lần), thì lượng vốn đầu tư năm 2001 tính theo giá so sánh sẽ là 105 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2000; tính theo giá thực tế sẽ khoảng 145 nghìn tỷ, đạt khoảng 29% GDP.

Nếu vừa huy động được 150 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng thì GDP sẽ tăng 7,8%, cao hơn mục tiêu 7,5% như đã đề ra.